

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 821/2022/DS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

2/ Bà Lê Thị Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 448/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (có mặt).

Nơi cư trú: 38/22 Đường N, Phường B, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 76 Đường H, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị A có ký Hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền vay 750.000.000 đồng, thời hạn 2 năm, không lãi suất. Nay đã hết thời hạn cho vay 2 năm nhưng bà A không vẫn chưa thanh toán toàn bộ số nợ trên. Do đó, bà H khởi kiện yêu

cầu Tòa án buộc bà A thanh toán toàn bộ số tiền vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 750.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, THnh phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Trần Thị A cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, THnh phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 7 năm 2019, số công chứng 12861, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD được lập và có chữ ký Bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị A. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc 750.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 7 năm 2019, số công chứng 12861, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD.

Căn cứ bản tự khai, tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp có cơ sở xác định các bên có ký với nhau hợp đồng vay tiền. Việc thỏa thuận vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Thời hạn vay theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng đã hết, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc theo hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà A có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền vay 750.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 7 năm 2019, số công chứng 12861, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD.

Ghi nhận việc bà H không yêu cầu bà A thanh toán tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng vay tiền trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.
- Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và thuộc đối tượng miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Trần Thị A phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu đồng), theo Hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 7 năm 2019, số công chứng 12861, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Về án phí:

- Bà Trần Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.000.000 (ba mươi bốn triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và thuộc đối tượng miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định pháp luật.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị H (đối với các khoản tiền phải trả cho bà H) cho đến khi thi hành án xong, bà Nam còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa

đổi, bổ sung năm 2014) thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh